

Bản án số: 03/2020/HS-ST

Ngày: 13 - 02 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Việt

Thẩm phán: Ông Trần Đức Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thạch, Ông Nguyễn Xuân Thí, Bà Trần Thị Ngọc Yến.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Ông Lê Đắc Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 37/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh ngày 20 tháng 08 năm 1963 tại xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B và bà Dương Thị T (đều đã chết); có vợ Nguyễn Thị D và có 03 người con sinh các năm 1990, 1992, 2001; tiền án: Không; tiền sự: Không. Nhân thân: Bản án số 40/2013/HSPT ngày 27 tháng 3 năm 2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 18 tháng tù về tội “Đe dọa giết người”, chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Đồng Sơn, Bộ Công an ra Trại ngày 16 tháng 5 năm 2013; bị bắt tạm giam từ ngày 05 tháng 5 năm 2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn T:* Không (do bị cáo từ chối người bào chữa cho mình).

- *Người bị hại:*

Bà Nguyễn Thị D sinh 1966, cư trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

Bà Lê Thị T sinh 1957, cư trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Hữu Thìn sinh 1976, cư trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;

Ông Nguyễn Hữu Bình sinh 1972, cư trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị C sinh 1933, cư trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

Ông Nguyễn Văn T sinh 1955, cư trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;

Ông Trần Văn Tư sinh 1966, cư trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Tại phiên toà vắng mặt các bị hại, vắng mặt 1 người có quyền lợi liên quan, vắng mặt một số người làm chứng. Bị cáo, người có quyền lợi liên quan có mặt, Kiểm sát viên đề nghị xét xử vụ án, Hội đồng xét xử sau khi thảo luận thấy những người vắng mặt đã có lời khai tại hồ sơ vụ án nên thống nhất vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 293, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 20 phút ngày 01 tháng 5 năm 2019, bà Nguyễn Thị C (là mẹ vợ Trần Văn T) đến nhà Trần Văn T chơi, có mang theo đồ ăn cho vợ, chồng Trần Văn T, do có mâu thuẫn từ trước với vợ là bà Nguyễn Thị D nên Trần Văn T đuổi bà Nguyễn Thị C về, bà Nguyễn Thị D nói với bà C đi ra ngoài đường đợi để bà D vào lấy xe mô tô chở bà C về nhà ở Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Thấy vợ đang dắt xe mô tô đi ra thì Trần Văn T không cho và dùng 02 tay đẩy chiếc xe rùa đang để ở sân vào người bà Nguyễn Thị D làm bà D ngã ngửa xuống đường trước sân nhà Trần Văn T. Tiếp đến, T lấy 01 cái cuốc cào lúa, cán

bằng tre dài 1,48m, lưới bằng sắt kích thước 42 x 20 cm dày 1,9 mm ở sân bỏ từ trên xuống dưới 03 đến 04 nhát vào vùng chân và 02 cái vào vùng đầu bà D làm bà D chấn thương bất tỉnh.

Bà Lê Thị T là chị dâu của Trần Văn T ở gần nhà T nghe có tiếng ồn, chạy sang xem thì bị T đuổi về, khi bà Lê Thị T vừa đi ra khỏi nhà T thì bị T đuổi theo và dùng 02 tay bóp vào cổ đập mạnh đầu bà Lê Thị T vào T rào xây trước nhà ông Nguyễn Văn T 02 cái làm bà T bị ngã giữa đường, T tiếp tục dùng chân đập vào vùng cổ và đầu bà Lê Thị T 03 đến 04 cái làm bà T bất tỉnh. Ông Nguyễn Văn T chạy đến can ngăn thì Trần Văn T thôi đánh bà T và bỏ đi vào nhà.

Nhận được tin bà Nguyễn Thị D bị Trần Văn T đánh, khoảng 10 phút sau, anh Nguyễn Hữu B, anh Nguyễn Hữu T là em trai của bà Nguyễn Thị D, đến nhà vợ, chồng T thì bị T cầm 01 cây dao tông và 01 cái dùi gỗ đuổi đánh, anh B, anh T bỏ chạy, T dùng que gỗ và dao đập phá làm hư hỏng một số bộ phận xe mô tô của anh Bình, anh Thìn.

Bà Nguyễn Thị D được đưa vào cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện Hữu Nghị Việt Nam - Cu Ba, Đồng Hới, ra viện ngày 22 tháng 5 năm 2019. Kết luận giám định pháp y về thương tích, số 77/TgT ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Trung tâm giám định Y khoa – Pháp y Sở Y tế tỉnh Quảng Bình, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 73%. Tính chất thương tích: Thương tích do chấn thương sọ não nguy hiểm cho tính mạng.

Bà Lê Thị T được đưa vào cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện Hữu Nghị Việt Nam - Cu Ba, Đồng Hới, ra viện ngày 03 tháng 6 năm 2019. Kết luận giám định pháp y về thương tích, số 78/TgT ngày 18/7/2019 của Trung tâm giám định Y khoa – Pháp y Sở Y tế tỉnh Quảng Bình, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 69%. Tính chất thương tích: Các thương tích vùng đầu nguy hiểm cho tính mạng.

Kết luận giám định số 762/QĐ-PC09 ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận: Chất màu nâu thu giữ tại các vị trí 1, 3, 9 theo Biên bản khám nghiệm hiện trường là máu người; Mẫu máu thu giữ tại vị trí 01 (ký hiệu A1) thuộc nhóm máu B; Mẫu máu thu giữ tại vị trí số 3 (ký hiệu A2) không xác định được nhóm máu; Mẫu máu thu giữ tại vị trí số 9 (ký hiệu A3) thuộc nhóm máu AB; Máu của bà Nguyễn Thị D, thuộc nhóm máu B; Máu của bà Lê Thị D, thuộc nhóm máu AB.

Kết luận định giá tài sản số 2081/STC-KLTĐG ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự thuộc UBND tỉnh Quảng Bình, kết luận xe mô tô nhãn hiệu WIN, biển kiểm soát 73N5- 1941 của anh Nguyễn Hữu B bị vỡ kính đèn pha. Giá trị thiệt hại của tài sản 300.000 đồng. Xe mô tô nhãn

hiệu Yamaha biển kiểm soát 73F1- 30851, của anh Nguyễn Hữu T, gương chiếu hậu bên trái bị vỡ, hệ thống đèn chiếu sáng bị vỡ, mang xe bên trái bị nứt, mặt yên xe bị rách dài 12 cm, sâu 03 cm. Tổng giá trị thiệt hại của tài sản: 1.600.000 đồng.

Kết luận giám định pháp y tâm thần số: 800/KLGĐTC ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Miền Trung, kết luận tình trạng tâm thần của Trần Văn T tại thời điểm gây án.

Kết luận về y học: Động kinh cơn lớn có biến đổi trí năng nhân cách (G40).

Kết luận về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra thu giữ 01 xe đẩy có bánh lốp đã qua sử dụng; 01 cuốc cào lúa dài 1,65m, lưỡi bằng kim loại, cán bằng tre; 01 cây dao tông dài 43cm, cán bằng gỗ dài 15cm, lưỡi dao in chữ “ĐẠI TRẠCH”; 01 dùi gỗ tròn, dài 64cm, đã gãy thành hai đoạn.

Về dân sự: bà Nguyễn Thị D, bà Lê Thị T không yêu cầu bồi thường các chi phí cấp cứu, điều trị và tổn thất tinh thần do Trần Văn T gây ra.

Anh Nguyễn Hữu Bình, anh Nguyễn Hữu T không yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản.

Cáo trạng số 419/CTr-VKS-P2 ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình truy tố Trần Văn T về tội “Giết người” theo quy định tại điểm a, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Ngày 17 tháng 12 năm 2019, bà Nguyễn Thị D có đơn đề nghị xem xét tình trạng bệnh tật của Trần Văn T để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên toà, sau khi được Chủ toạ phiên toà giải thích các quy định của pháp luật về người bào chữa cho bị cáo nhưng bị cáo vẫn từ chối, không yêu cầu người bào chữa cho mình và thừa nhận do có mâu thuẫn trong cuộc sống vợ, chồng nên trưa ngày 01 tháng 5 năm 2019, bị cáo đã có hành vi sau khi dùng 02 tay đẩy chiếc xe rùa đang để ở sân vào vợ bị cáo là bà Nguyễn Thị D làm bà D ngã ngã xuống đường, bị cáo lấy 01 cái cuốc cào lúa ở sân bỏ từ trên xuống dưới 03 đến 04 nhát vào vùng chân và 02 cái vào vùng đầu bà D làm bà D chấn thương bất tỉnh. Nghe tiếng ồn, bà Lê Thị T đến nhà bị cáo tìm hiểu sự việc thì bị cáo đuổi bà T về đồng thời chạy theo bà T dùng 02 tay bóp vào cổ rồi đẩy mạnh đầu bà Lê Thị T vào bờ T hàng rào trước nhà ông Nguyễn Văn T 02 cái làm bà T bị ngã giữa đường và tiếp tục dùng chân đạp vào vùng cổ và đầu bà Lê Thị T 03 đến 04 cái làm bà T bất tỉnh. Sự việc được ông Nguyễn Văn T chạy đến can ngăn thì bị cáo bỏ đi vào nhà mình. Khi anh Nguyễn Hữu B, anh Nguyễn Hữu T là em trai của bà Nguyễn Thị D đến hỏi sự việc thì bị cáo cầm 01 cây dao tông và 01 cái dùi

gỗ đuôi đánh anh B, anh T, buộc anh B, anh T phải bỏ chạy để lại 2 xe mô tô ở sân nhà bị cáo. Sau đó bị cáo dùng que gỗ và dao đập phá làm hư hỏng một số bộ phận xe mô tô của anh B, anh T. Bị cáo thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đề Toà án xét xử hành vi phạm tội của bị cáo là đúng nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân bị cáo phạm tội do có sự sai trái, hỗn láo từ vợ bị cáo, bị cáo đánh vợ vì tức giận, không có ý định giết chết vợ bị cáo và những người đến can ngăn. Bị cáo đánh các bà Nguyễn Thị D, bà Lê Thị T rồi các bà tự ngã xuống đường gây thương tích, hiện tại bị cáo đang bị bệnh, đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Các bị hại bà Nguyễn Thị D, bà Lê Thị T vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra và chuẩn bị xét xử đã có ý kiến và có đơn đề nghị giảm nhẹ cho bị cáo.

Tại phiên toà, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu T thừa nhận sự việc xảy ra đúng như Cáo trạng nêu và lời khai của bị cáo Trần Văn T, không yêu cầu bị cáo bồi thường các thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Ông Nguyễn Hữu B vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra đã có ý kiến không yêu cầu bị cáo bồi thường các thiệt hại do bị cáo đập phá làm hư hỏng xe mô tô của mình đã được định giá xác định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình giữ quyền công tố xét xử sơ thẩm vụ án khẳng định Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Giết người” theo quy định của các điểm a, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Giết người” và áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; điểm l khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 15, 57, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với Trần Văn T, xử phạt bị cáo Trần Văn T mức án từ 06 đến 07 năm tù.

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng vụ án hiện đang thu giữ để phục vụ điều tra và xét xử.

Không xem xét trách nhiệm dân sự đối với bị cáo do các bị hại, người có quyền lợi liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T, các người bị hại, người có quyền lợi liên quan không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Theo đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1]. Về tội danh, khung hình phạt theo truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo Trần Văn T.

Theo lời khai thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với thời gian, địa điểm nơi bị cáo gây án; phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường nơi vụ án xảy ra; phù hợp với hung khí bị cáo sử dụng gây án được thu giữ; phù hợp với Kết luận giám định pháp y về thương tích số 77/TgT ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Trung tâm giám định Y khoa – Pháp y Sở Y tế tỉnh Quảng Bình, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với bà Nguyễn Thị D hiện tại là 73%. Thương tích do chấn thương sọ não nguy hiểm cho tính mạng. Phù hợp với Kết luận giám định pháp y về thương tích số 78/TgT ngày 18/7/2019 của Trung tâm giám định Y khoa – Pháp y Sở Y tế tỉnh Quảng Bình, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể bà Lê Thị T do thương tích gây nên hiện tại là 69%. Các thương tích vùng đầu nguy hiểm cho tính mạng, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, Hội đồng xét xử thấy, với hành vi bị cáo sử dụng hung khí nguy hiểm đánh vào vùng đầu bà Nguyễn Thị D làm bà D chấn thương bất tỉnh và hành vi bị cáo dùng 02 tay bóp vào cổ đập mạnh đầu bà Lê Thị T vào T rào xây 02 cái làm bà T bị ngã giữa đường rồi dùng chân đạp vào vùng cổ và đầu bà Lê Thị T 03 đến 04 cái làm bà T bất tỉnh, có đủ yếu tố cấu thành của tội “Giết người” được quy định tại Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bà Lê Thị T chỉ bị tổn thương cơ thể 69%, bà Nguyễn Thị D chỉ bị tổn thương cơ thể 73% là do được đưa vào cơ sở Y tế cấp cứu, điều trị kịp thời nên hậu quả chết người không xảy ra. Theo lý do kiểm soát gây sự và diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo cho thấy khi phạm tội bị cáo thể hiện rõ tính côn đồ, hung hãn cao độ, coi thường tính mạng, sức khỏe người khác, không quan tâm đến hậu quả xảy ra. Theo Kết luận giám định của Cơ quan chuyên môn thì trước thời điểm gây án, tại thời điểm gây án và hiện tại Trần Văn T chỉ hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo hành vi phạm tội “Giết người” với tình tiết định khung “Giết nhiều người”; “Có tính chất côn đồ” được quy định tại các điểm a, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 như Cáo

trạng của Viện kiểm sát đã truy tố để Toà án xét xử đối với bị cáo và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên toà.

[2]. Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Văn T.

Bị cáo Trần Văn T bị truy tố và xét xử về tội “Giết người” theo các điểm a, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 có hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Tuy hậu quả chết người không xảy ra nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng về sức khoẻ, tổn thất về tinh thần cho các bị hại; gây tâm lý hoang mang lo sợ, bức xúc, phẫn nộ trong quần chúng nhân dân, làm mất ổn định trật tự, trị an trên địa bàn nên cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc theo khung hình phạt của khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 và quy định của Điều 15, khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015 về phạm tội chưa đạt.

Do tại phiên toà bị cáo không tỏ ra ăn năn, hối cải và cho rằng vợ bị cáo hỗn láo nên bị cáo có quyền đánh, không ai có quyền can ngăn việc bị cáo đánh vợ mình nên bị cáo chỉ được hưởng tình tiết giảm nhẹ bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi theo quy định của điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 và tình tiết giảm nhẹ của khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 do được các bị hại có đơn, có ý kiến đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo phạm tội “Giết người” chưa đạt nên được áp dụng quy định của Điều 15, khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015, theo đó để Hội đồng xét xử cân nhắc áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo mức án thoả đáng đủ để trừng trị giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[3]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự đối với bị cáo Trần Văn T.

Do trong quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên toà các bị hại bà Nguyễn Thị D, bà Lê Thị T; các người có quyền lợi liên quan, ông Nguyễn Hữu T, ông Nguyễn Hữu B không yêu cầu bị cáo Trần Văn T bồi thường các thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về xử lý vật chứng vụ án:

Xét các vật chứng vụ án hiện còn thu giữ để phục vụ công tác điều tra và xét xử thấy, 01 xe đẩy (xe rùa) có bánh lốp đã qua sử dụng; 01 cuốc cào lúa; 01 cây dao tông là vật dụng của gia đình bị cáo nên trả lại cho vợ bị cáo là bà Nguyễn Thị D. Đối với 2 đoạn gỗ tròn không có giá trị sử dụng được tịch thu tiêu huỷ theo quy định của Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5]. Về án phí: Bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định để sung vào ngân sách Nhà nước.

[6]. Về quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm:

Bị cáo Trần Văn T; các bị hại bà Nguyễn Thị D, bà Lê Thị T; các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định để yêu cầu xét xử phúc thẩm vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Giết người”.

2. Về hình phạt: Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; Điều 15, khoản 3 Điều 57; điểm q khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Văn T, xử phạt bị cáo Trần Văn T **08 (tám) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 05 tháng 5 năm 2019.

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự đối với bị cáo Trần Văn T.

Do trong quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên toà các bị hại bà Nguyễn Thị D, bà Lê Thị T; các người có quyền lợi liên quan, ông Nguyễn Hữu T, ông Nguyễn Hữu B không yêu cầu bị cáo Trần Văn T bồi thường các thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về xử lý vật chứng vụ án:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị D 01 xe đẩy (xe rùa) có bánh lốp đã qua sử dụng; 01 cuốc cào lúa cán tre; 01 cây dao tông;

Tịch thu tiêu huỷ 02 đoạn gỗ tròn.

Tình trạng vật chứng trả lại và tịch thu tiêu huỷ theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 18 tháng 11 năm 2019 giữa cán bộ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình với cán bộ Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Bình.

5. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 3, 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

6. Bị cáo Trần Văn T; người có quyền lợi liên quan ông Nguyễn Hữu T có mặt tại phiên toà nên được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13 tháng 02 năm 2020).

Các bị hại bà Nguyễn Thị D, bà Lê Thị T; người có quyền lợi liên quan ông Nguyễn Hữu B vắng mặt tại phiên toà nên được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án sơ thẩm.

Để yêu cầu xét xử phúc thẩm vụ án.

Nơi nhận:

- Theo khoản 1 Điều 262 Bộ luật TTHS;
- Vụ GDKT 1 TANDTC (khi án St có HLPL);
- Cục THA DS tỉnh QB;
- Sở Tư pháp tỉnh QB;
- Phòng HSNVCS CAQB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn, VP TAQB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Xuân Việt